

THÔNG BÁO

Về việc lập, điều chỉnh và duyệt kế hoạch học tập cá nhân để chuẩn bị đăng ký học phần Học kỳ Hè Năm học 2025-2026 (mã học kỳ 2534)

Phòng Đào tạo đại học thông báo đến Sinh viên (SV), Cố vấn học tập (CVHT) về việc lập, điều chỉnh và duyệt Kế hoạch học tập cá nhân (KHHT-CN) để chuẩn bị cho việc đăng ký học phần của Học kỳ Hè - Năm học 2025-2026 (mã học kỳ: 2534), cụ thể như sau:

1. Đối tượng thực hiện

a) SV chưa hoàn thành chương trình đào tạo

- SV hết lộ trình học tập:

- Khóa 2018, 2019 đã có Quyết định cho gia hạn thời gian đào tạo.
- Khóa 2020, 2021, 2022

- SV còn lộ trình học tập:

- Khóa 2023, 2024.
- Khóa 2025 thuộc diện tự đăng ký học phần (được xét miễn học phần)

b) CVHT: kiểm tra và duyệt KHHT-CN cho SV theo đúng tiến độ và quy định.

2. Thời gian thực hiện

a) SV lập/điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân

- Từ ngày 07/4/2026 đến hết ngày 13/4/2026.

b) CVHT duyệt kế hoạch học tập cá nhân

- Từ ngày 07/4/2026 đến 13/4/2026: Duyệt KHHT-CN hoàn chỉnh.

- Từ ngày 13/4/2026 đến 15/4/2026: Gửi phản hồi yêu cầu SV điều chỉnh (nếu cần)

và duyệt lại kế hoạch đã cập nhật.

3. Cách thức thực hiện

SV thực hiện tại: Cổng thông tin sinh viên (<http://httsv.hoasen.edu.vn>) → Mục “Tự quản lý” → “Kế hoạch cá nhân” → Chọn Học kỳ Hè - Năm học 2025-2026 (mã học kỳ: 2534).

CVHT thực hiện duyệt tại: Hệ thống thông tin quản lý (<http://htttql.hoasen.edu.vn>) → Mục “Cổng Cố vấn học tập” → “Quản lý KHHT cá nhân” → Chọn mã học kỳ 2534.

a) SV hết lộ trình học tập

- SV đã hết lộ trình học tập mẫu, KHHT-CN sẽ không hiện thị tại Học kỳ Hè.
- SV cần truy cập mục “Duyệt danh mục MH”, lựa chọn các học phần cần học chuyển vào mục “Thêm môn vào kế hoạch”, sau đó từ mục “Môn học chưa lên kế hoạch” chuyển sang Học kỳ Hè (mã học kỳ 2534) để hoàn tất việc lập KHHT-CN.

b) SV còn lộ trình học tập

- SV thuộc diện được Trường xếp thời khóa biểu (Khóa 2023, 2024): Trường đã lập KHHT-CN tại Học kỳ Hè, SV có thể điều chỉnh KHHT-CN để bổ sung các học phần học lại hoặc tự chọn tự do. Đối với học phần tự chọn bắt buộc, SV cần xóa các học phần không chọn ra khỏi kế hoạch học tập.

- SV thuộc diện tự đăng ký học phần (Khóa 2023, 2024, 2025 diện xét miễn): chủ động điều chỉnh KHHT-CN để đăng ký các học phần cần học.

4. Thông tin liên hệ

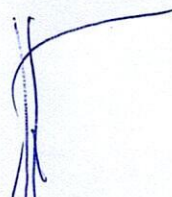
Trong quá trình thực hiện, SV cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ:

- Về danh sách học phần dự kiến mở: CVHT hoặc Giám đốc chương trình.
- Về sự cố phần mềm: Phòng Công nghệ Thông tin - erpsupport@hoasen.edu.vn.
- Về thao tác lập KHHT-CN: Bộ phận Đăng ký học phần - dkmh@hoasen.edu.vn.

Nơi nhận:

- SV (để th/h);
- TT. TNSV&QHĐN, các khoa, CVHT, các phòng ban (để ph/h);
- Thông báo (httsv, email SV);
- Lưu: P. ĐTDH.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Tiến Lập

**DANH SÁCH HỌC PHẦN DỰ KIẾN MỞ THEO LỘ TRÌNH MẪU
HỌC KỲ HÈ NĂM HỌC 2025-2026 (MÃ HK 2534)**

(Đính kèm thông báo số 21/TB-DTĐH ngày 03 tháng 04 năm 2026)

Lưu ý: SV xem kỹ mã Học phần (HP) theo đúng yêu cầu đào tạo từng khóa để chọn đúng Mã số Học phần (Cột B_tô Vàng).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Tổng tiết	P. LT	P. TH	Đi thực địa	Hướng dẫn/ Bài tập	Học phần học trước	Ghi chú
1	DA350DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	8 tuần	0	0	0	0	DA205DV01_Đề án 1: Hồ sơ năng lực Nghệ thuật số DA312D_Thiết kế ý niệm Game hoặc GD309D_Kỹ thuật minh họa số DA301DE01_Đồ họa nhận dạng thương hiệu hoặc DA205DE01_Hồ sơ năng lực nghệ thuật số	
2	GD350DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	8 tuần	0	0	0	0	GD305D_Đồ họa nhận dạng thương hiệu; DA301DE01_Đồ họa nhận dạng thương hiệu hoặc DA205DE01_Hồ sơ năng lực nghệ thuật số	
3	TK409DE02	Thiết kế thời trang: Tiên tốt nghiệp	3	60	0	60	0	0	TK331D_Dự án thiết kế thời trang; EIC6/EIIS	
4	AI250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
5	SW250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
6	IT250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
7	BLAW250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	0	
8	PSY250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
9	ANH250DE03	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
10	CL250DV01	Thực tập nhận thức	3	0	0	0	0	0	-	
11	TO250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	TO101D_Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	
12	EM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
13	HM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
14	RM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
15	HRM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
16	SE250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
17	BA250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
18	EC250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
19	LG250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
20	IB250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
21	DM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
22	MK250DV02	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-	
23	PR250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	PR202D_Nhập môn Quan hệ công chúng	
24	TT250DV02	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	TT205D_Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông nghe nhìn TT206D Nội dung và phương tiện truyền thông nghe nhìn	
25	MC250DV01	Thực tập nhận thức	3	0	0	0	0	0	-	
26	FT250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	0	

27	KT250DV02	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	KT204D_Nguyên lý kế toán
28	TC250DV02	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	0	0	0	0	-
29	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	0	3	EL	DC140D_Triết học Mac -Lenin DC141D_Kinh tế chính trị Mác-Lenin DC142D Chủ nghĩa xã hội khoa học
30	GLAW101DV01	Pháp luật đại cương	3	45	45	0	0	0	-
32	DC144DV01	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	27	0	3	EL	DC140D_Triết học Mac -Lenin DC141D_Kinh tế chính trị Mác-Lenin DC142D Chủ nghĩa xã hội khoa học
33	QP009DV01	GDQP	0	165	0	165	0	0	-
34	HM302EL01	Chăm sóc khách hàng trong môi trường toàn cầu	3	45	45	0	0	0	-
35	HM309EL01	Những xu hướng đương đại (trong ngành KS-NH)	3	45	45	0	0	0	-
36	HM313EL01	Quản trị bộ phận lưu trú	3	45	45	0	0	0	-
37	HM402EL01	Tài chính trong KS-NH	3	45	45	0	0	0	-
38	HM404EL01	Kế hoạch phát triển khách sạn	3	45	45	0	0	0	-
39	PE104DV01	Bóng đá	1	30	0	30	0	0	-
40	PE105DV01	Bóng rổ	1	30	0	30	0	0	-
41	PE107DV01	Karatedo	1	30	0	30	0	0	-
42	PE109DV01	Cầu lông	1	30	0	30	0	0	-
43	PE110DV01	Taekwondo	1	30	0	30	0	0	-
44	PE114DV01	Kickboxing	1	30	0	30	0	0	-
45	PE115DV01	Marathon	1	30	0	30	0	0	-
46	PE119DV01	Muay	1	30	0	30	0	0	-
47	PE120DV01	Thể hình	1	30	0	30	0	0	-
48	PE121DV01	Dance Sport	1	30	0	30	0	0	-
49	PE127DV01	Yoga	1	30	0	30	0	0	-
50	PE128DV01	Bắn cung	1	30	0	30	0	0	-
51	PE129DV01	Bắn súng	1	30	0	30	0	0	-
52	PE130DV01	Pickleball	1	30	0	30	0	0	-

DANH SÁCH HỌC PHẦN CÓ SINH VIÊN CHƯA ĐẠT THEO YÊU CẦU ĐÀO TẠO

(Đính kèm thông báo số 21/TB-ĐTDH ngày 03 tháng 4 năm 2026)

Lưu ý: SV xem kỹ mã Học phần (HP) theo đúng yêu cầu đào tạo từng khóa để chọn đúng Mã số Học phần (Cột B_tô Vàng).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Tổng tiết	Học phần bắt buộc (HP BB)	Học phần tự chọn bắt buộc (HP TCBB)	Sĩ số tổng	Ghi chú
1	AI101DV01	Cấu trúc rời rạc	3	45	3	0	3	
2	AI102DV01	Giải tích số	3	60	2	0	2	
3	AI103DV01	Toán ứng dụng trong CNTT	3	45	5	0	5	
4	AI104DV01	Lập trình cơ bản	3	60	5	0	5	
5	AI105DV01	Cấu trúc DL & GT với Python	3	60	4	0	4	
6	AI202DV01	Lập trình hướng ĐT tr. Python	3	60	1	0	1	
7	AI203DV01	Tối ưu hoá	3	60	1	0	1	
8	AI204DE01	Phân tích thiết kế hệ thống	3	60	1	0	1	
9	AI205DE01	Trí tuệ nhân tạo	3	60	6	0	6	
10	AI206DV01	Đồ án lập trình máy học	2	0	2	0	2	
11	AI207DV01	PT,TK&XDHT hướng ĐT với Python	6	105	3	0	3	
12	AI208DV01	Phân tích và tối ưu hoá số	6	105	1	0	1	
13	AI250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	10	0	10	
14	AI301DE01	Máy học	3	60	18	25	43	
15	AI301DV01	Máy học	3	60	0	15	15	
16	AI302DV01	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	45	0	12	12	
17	AI303DE01	Phương pháp và Công cụ CNTT	3	60	1	0	1	
18	AI304DV01	Thiết kế và phát triển ĐA CNTT	2	0	2	0	2	
19	AI305DE01	Học sâu	3	60	2	0	2	
20	AI305DV01	Học sâu	3	60	0	7	7	
21	AI306DE01	Phân tích dữ liệu	3	60	2	24	26	
22	AI402DE01	Lập trình ứng dụng trí tuệ NT	3	60	0	32	32	
23	AI402DV01	LT ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3	60	0	16	16	
24	AI403DE01	Khai phá dữ liệu cơ bản	3	60	0	26	26	
25	AI403DV01	Khai phá dữ liệu cơ bản	3	60	0	10	10	
26	AI404DE01	Hệ quản lý tri thức	3	45	0	34	34	
27	AI404DV01	Hệ quản lý tri thức	3	45	0	15	15	
28	AI405DE01	Các công cụ & nền tảng PT AI	3	60	3	0	3	
29	AI406DE01	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	3	60	1	0	1	
30	AI407DE01	Người máy và Thị giác máy tính	3	60	0	1	1	
31	AI407DV01	Người máy và thị giác máy tính	3	60	0	2	2	
32	AI408DE01	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	0	27	27	
33	AI408DV01	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	60	0	2	2	
34	AI409DE01	Công nghệ tiếng nói	3	60	0	1	1	
35	AI409DV01	Công nghệ tiếng nói	3	60	0	3	3	
36	AI411DE01	TT Nhân tạo trong Tài Chính	3	60	0	1	1	
37	AI411DV01	Trí tuệ nhân tạo tr. tài chính	3	60	0	2	2	
38	AI413DE01	TTNT trong chăm sóc khách hàng	3	60	0	1	1	
39	AI413DV01	TTNT trong chăm sóc khách hàng	3	60	0	2	2	
40	AI414DV01	TT nhân tạo tr. chuỗi cung ứng	3	60	0	2	2	
41	AI415DE01	TTNT trong thương mại điện tử	3	60	0	1	1	
42	AI415DV01	TT nhân tạo tr. thương mại ĐT	3	60	0	2	2	
43	AI416DE01	Thực quan hóa dữ liệu	3	60	0	1	1	
44	AI416DV01	Thực quan hóa dữ liệu	3	60	0	3	3	
45	AI417DE01	Trí tuệ nhân tạo	3	60	47	0	47	
46	AI418DV01	Khoa học dữ liệu nâng cao	3	60	0	2	2	
47	ANH101DE03	Kỹ năng Nghe & Nói tiếng Anh 1	3	45	11	0	11	
48	ANH102DE03	Kỹ năng Nghe & Nói tiếng Anh 2	3	45	8	0	8	
49	ANH110DV01	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	45	2	1	3	
50	ANH116DE02	Kỹ năng Đọc & Viết tiếng Anh 1	3	60	19	0	19	
51	ANH117DE02	Kỹ năng Đọc & Viết tiếng Anh 2	3	60	12	0	12	
52	ANH203DE03	Kỹ năng Nghe & Nói tiếng Anh 3	3	45	19	0	19	
53	ANH210DE03	Nói tiếng Anh trước Công chúng	3	45	18	0	18	
54	ANH211DE04	Tâm lý Sư phạm	3	45	5	0	5	

55	ANH212DE03	Văn hoá Anh Mỹ	3	Seminar	36	0	36	
56	ANH218DE04	Kỹ năng Đọc-Viết luận TA	3	60	18	0	18	
57	ANH220DE02	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	45	17	2	19	
58	ANH222DE03	Đề án 1: Thu thập dữ liệu TN	2	0	30	0	30	
59	ANH223DE02	Kỹ năng Đọc & Viết tiếng Anh 3	3	60	16	0	16	
60	ANH225DE02	Dẫn nhập T/Thông & Tổ chức DN	3	45	11	0	11	
61	ANH228DE01	Anh văn Kinh doanh	3	60	12	0	12	
62	ANH229DE02	Ngữ pháp tiếng Anh thực hành	3	45	10	0	10	
63	ANH250DE03	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	79	2	81	
64	ANH303DE03	Hình thái học và cú pháp TA	3	60	31	0	31	
65	ANH307DE05	Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh	3	60	39	0	39	
66	ANH308DE04	Nhập môn Biên Phiên dịch	3	60	10	55	65	
67	ANH314DE04	Giảng dạy các KN tiếng Anh	3	60	15	0	15	
68	ANH318DE03	Truyền Thông Nội Bộ	3	45	12	18	30	
69	ANH319DE02	Ứng dụng CN trong GD tiếng Anh	3	60	10	0	10	
70	ANH320DE02	ĐA 2:Thu thập DL chính nguồn	2	0	30	22	52	
71	ANH321DE02	Đề án thực hành ngành NNA	3	0	52	19	71	
72	ANH322DE01	Anh văn Thư tín thương mại	3	60	17	13	30	
73	ANH323DE01	Anh văn Truyền thông DN	3	45	27	0	27	
74	ANH324DE01	Anh văn Kinh doanh nâng cao	3	60	10	0	10	
75	ANH325DE02	Kỹ năng tiếp thị và bán hàng	3	60	10	0	10	
76	ANH326DE02	Kỹ năng Quan hệ Công chúng	3	45	0	28	28	
77	ANH331DE01	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên VH	3	45	0	22	22	
78	ANH332DE02	Nhập môn Giảng dạy tiếng Anh	3	45	4	0	4	
79	ANH333DE01	Giảng dạy hệ thống cấu trúc TA	3	45	5	0	5	
80	ANH334DE01	Giảng dạy TA tích hợp trong MH	3	45	7	24	31	
81	ANH335DE01	TH Giảng dạy TA qua HTPVCD	3	60	0	21	21	
82	ANH336DE01	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	45	0	19	19	
83	ANH346DE01	P/pháp nghiên cứu khoa học	3	60	22	0	22	
84	ANH403DE01	Thực hành Biên Phiên dịch TM	3	60	0	65	65	
85	ANH404DE03	Ngữ nghĩa học Tiếng Anh	3	45	29	0	29	
86	ANH405DE04	Giảng dạy tiếng Anh cho Trẻ em	3	60	7	0	7	
87	ANH406DE03	Soạn Giáo án & Tài liệu GD TA	3	45	10	0	10	
88	ANH408DE05	Văn học Mỹ	3	60	19	14	33	
89	ANH410DE03	Chiến Lược Truyền Thông Doanh	3	45	15	0	15	
90	ANH411DE01	Phương pháp đánh giá trong lớp	3	45	8	0	8	
91	ANH412DE01	Tiếp thị và T/Thông Tích hợp	3	45	0	39	39	
92	ANH415DE01	Thực hành Phiên dịch Hội thảo	3	45	1	0	1	
93	ANH417DE01	Giảng dạy TA đa tình huống	3	60	1	30	31	
94	ANH420DE01	KN Tổ chức họp & Đàm phán TM	3	60	5	24	29	
95	ANH421DE02	Xây dựng DV KH chuyên nghiệp	3	60	9	31	40	
96	ART101DV02	Hình họa mỹ thuật	3	60	25	0	25	
97	ART102DV02	Cơ sở Tạo hình	3	60	26	0	26	
98	ART103DV02	Tạo hình ứng dụng	3	60	30	0	30	
99	ART105DV01	Nhiếp ảnh kỹ thuật số	3	45	30	0	30	
100	ART106DV02	Định luật phối cảnh	3	45	26	0	26	
101	ART107DV01	Minh họa thời trang	3	60	7	0	7	
102	ART109DV01	Lịch sử Mỹ thuật (Thế giới-VN)	3	60	17	7	24	
103	ART110DV02	Cảm thụ nghệ thuật	3	Seminar	24	0	24	
104	ART201DV01	Hình họa mỹ thuật 2	3	60	15	0	15	
105	ART202DV02	Đồ họa ứng dụng	3	60	19	0	19	
106	ART204DV01	Kỹ thuật Diễn họa	3	60	5	0	5	
107	ART205DV01	Nhiếp ảnh 2 (nâng cao)	3	45	23	0	23	
108	ART206DE01	Triết lý thiết kế	3	45	9	0	9	
109	ART206DV01	Triết lý thiết kế	3	45	10	0	10	
110	ART207DV01	Kỹ thuật phác họa và phối cảnh	6	75	10	0	10	
111	GE005DV01	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2	0	105	236	0	236	
112	GE006DV01	Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3	0	135	353	0	353	
113	GE106DV01	Tiếng Anh Hội nhập Quốc tế 4	5	135	27	0	27	
114	GE107DV01	Tiếng Anh Hội nhập Quốc tế 5	5	135	31	0	31	
115	BA101DE01	Kinh tế Vi mô	3	45	0	24	24	
116	BA101DV01	Kinh tế Vi mô	3	45	65	41	106	
117	BA102DE01	Kinh tế Vi mô	3	45	0	81	81	
118	BA102DV01	Kinh tế Vi mô	3	45	61	95	156	
119	BA103DE01	Đạo đức kinh doanh	3	45	1	0	1	
120	BA103DV01	Đạo đức Kinh doanh	3	45	15	1	16	
121	BA104DE01	Quản trị học	3	45	0	21	21	

122	BA104DV01	Quản trị học	3	45	3	31	34
123	BA105DV01	Luật và Đạo đức Kinh doanh	3	45	13	0	13
124	BA107DV01	Kinh tế học	6	75	103	5	108
125	BA108DV01	QT học và Đạo đức kinh doanh	6	75	63	2	65
126	BA201DE01	Kỹ thuật Thương lượng	3	45	25	19	44
127	BA201DV01	Kỹ thuật Thương lượng	3	45	0	18	18
128	BA204DE01	Quản trị Sự Thay đổi	3	45	5	56	61
129	BA204DV01	Quản trị Sự Thay đổi	3	45	0	47	47
130	BA206DE01	Hành vi Tổ chức	3	45	39	36	75
131	BA206DV01	Hành vi Tổ chức	3	45	0	24	24
132	BA207DE01	Chuyên đổi số	3	45	22	0	22
133	BA207DV01	Chuyên đổi số	3	45	0	4	4
134	BA250DV01	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	208	0	208
135	BA301DV03	ĐA ngành Quản trị kinh doanh	3	0	159	0	159
136	BA302DE01	Quản trị Chiến lược	3	45	124	81	205
137	BA302DV01	Quản trị Chiến lược	3	45	0	70	70
138	BA303DE01	Quản trị Dự án	3	45	39	71	110
139	BA303DV01	Quản trị Dự án	3	45	0	52	52
140	BA304DE01	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	45	0	61	61
141	BA304DV01	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	45	16	80	96
142	BA305DV01	Quản trị Rủi ro	3	45	0	85	85
143	BA306DV01	Quản trị Chất lượng	3	45	0	85	85
144	BA307DV01	PP nghiên cứu trong KD	3	Seminar	247	9	256
145	BA308DE01	Nghệ thuật Lãnh đạo	3	45	39	26	65
146	BA308DV01	Nghệ thuật Lãnh đạo	3	45	0	45	45
147	BA309DV01	ERP trong kinh doanh	3	45	12	0	12
148	BA310DV01	Quản trị chất lượng và rủi ro	6	75	0	16	16
149	BA401DE02	Quản trị chuỗi cung ứng trong	3	45	0	29	29
150	BA401DV02	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	17	29	46
151	BA402DV01	QT vận hành và chuỗi cung ứng	6	75	8	0	8
152	BLAW250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	36	0	36
153	BLAW301DV01	Luật Chứng khoán	2	30	3	2	5
154	BLAW301DV02	Luật Chứng khoán	3	45	1	0	1
155	BLAW302DV02	Luật Ngân hàng	3	45	2	0	2
156	BLAW303DE02	Pháp luật về Cạnh tranh	3	45	9	0	9
157	BLAW304DE01	P/Luật về Kinh doanh quốc tế	2	30	1	0	1
158	BLAW304DV01	PL về Kinh doanh quốc tế	2	30	4	0	4
159	BLAW305DV02	Pháp luật về Kinh doanh Bất ĐS	3	45	7	5	12
160	BLAW306DV02	PL về Kế toán - Kiểm toán	3	45	0	21	21
161	BLAW308DV01	PL về Kinh doanh Bảo hiểm	2	30	0	8	8
162	BLAW309DE02	Pháp luật về Thương mại điện t	3	45	11	0	11
163	BLAW310DE02	Pháp luật về An ninh mạng & bv	3	45	10	2	12
164	BLAW311DV01	PL về Ngân hàng & chứng khoán	3	45	7	0	7
165	BLAW401DE01	Pháp luật về Tín thác	2	30	4	7	11
166	BLAW402DE01	PL về Công nghệ Tài chính	2	30	4	0	4
167	CL101DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng TQ1	3	60	5	0	5
168	CL102DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng TQ2	3	60	8	0	8
169	CL103DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng TQ1	3	60	11	0	11
170	CL104DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng TQ2	3	60	10	0	10
171	CL201DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng TQ3	3	60	6	0	6
172	CL202DV01	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng TQ4	3	60	3	0	3
173	CL203DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng TQ3	3	60	7	0	7
174	CL204DV01	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng TQ4	3	60	4	0	4
175	CL205DV01	Tiếp xúc Hán Việt & Từ Hán - V	3	45	16	4	20
176	CL206DC01	Đất nước học Trung Quốc	3	45	10	0	10
177	CL207DV01	Văn tự tiếng Trung Quốc	3	45	5	0	5
178	CL208DV01	Trải nghiệm văn hóa Trung Hoa	3	Seminar	11	0	11
179	CL250DV01	Thực tập nhận thức	3	0	28	0	28
180	CL301DV01	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	3	45	5	0	5
181	CL302DV01	KN Biên – Phiên dịch tiếng TQ	3	60	33	0	33
182	CL303DV01	Kỹ năng giảng dạy tiếng TQ	3	60	33	0	33
183	CL304DV01	KN nói tiếng TQ trước C/chúng	3	60	33	0	33
184	CL305DC01	Giao tiếp thương mại tiếng TQ	3	60	33	0	33
185	CL306DC01	NC kinh tế và thị trường TQ	3	45	33	0	33
186	CL307DV01	Đề án thực hành chuyên ngành	3	0	0	33	33
187	CL308DV01	Đề án nghiên cứu khoa học	3	0	0	33	33
188	CL401DC01	Hán ngữ cao cấp	3	60	32	0	32

189	CL402DC01	Viết thư tín T/mai tiếng TQ	3	60	33	0	33	
190	CL403DC01	Văn hóa thương mại Quốc tế	3	45	33	0	33	
191	CL404DC01	Tiếng Trung du lịch	3	60	33	0	33	
192	CN103DV01	Mạng máy tính cơ sở	3	60	58	0	58	
193	CN104DV01	Hệ thống Máy tính	3	60	30	0	30	
194	CN109DV01	Mạng máy tính&dịch vụ đám mây	6	105	1	0	1	
195	CN203DV01	Lý thuyết Hệ điều hành	3	60	54	0	54	
196	CN333DV01	Quản trị hệ thống và mạng	3	60	0	7	7	
197	CN334DV01	Tường lửa	3	60	0	7	7	
198	CN335DV01	An toàn mạng	3	60	0	7	7	
199	CN336DV01	Quản lý rủi ro và bảo mật	3	60	0	7	7	
200	DA201DE01	Hoạt hình căn bản	3	60	0	3	3	
201	DA201DV01	Hoạt hình căn bản	3	60	21	13	34	
202	DA202DE01	S/xuất s/phẩm truyền thông số	3	60	14	12	26	
203	DA202DV01	Sản xuất sản phẩm truyền thông	3	60	1	10	11	
204	DA203DV01	Điều khắc mô hình	3	45	11	0	11	
205	DA204DE02	Nghệ thuật chữ viết tay	3	60	6	0	6	
206	DA205DE01	Hồ sơ năng lực Nghệ thuật số	2	8	10	0	10	
207	DA205DV01	Hồ sơ năng lực Nghệ thuật số	2	8	15	0	15	
208	DA302DE01	Đồ họa bao bì	3	75	14	0	14	
209	DA302DV01	Đồ họa bao bì	3	75	1	44	45	
210	DA303DE01	Thiết kế phim ảnh&âm thanh số	3	60	17	2	19	
211	DA303DV01	TK phim ảnh & âm thanh số	3	60	4	19	23	
212	DA304DE01	Thiết kế dựng cảnh phim/Clip	3	60	14	68	82	
213	DA304DV01	Thiết kế dựng cảnh phim/ Clip	3	60	5	4	9	
214	DA305DE01	Hoạt hình nâng cao	3	60	0	4	4	
215	DA305DV01	Hoạt hình nâng cao	3	60	24	20	44	
216	DA306DE01	Tạo hình nhân vật	3	60	6	0	6	
217	DA306DV01	Tạo hình nhân vật	3	60	5	0	5	
218	DA307DE01	Tạo hình sinh vật	3	60	9	0	9	
219	DA307DV01	Tạo hình sinh vật	3	60	5	0	5	
220	DA308DE01	Thiết kế bối cảnh	3	60	11	0	11	
221	DA308DV01	Thiết kế bối cảnh	3	60	14	0	14	
222	DA309DE01	Thiết kế đồ họa Game	3	60	7	0	7	
223	DA309DV01	Thiết kế Đồ họa game	3	60	14	0	14	
224	DA310DE01	Điều khắc 3D - ZBrush	3	60	11	0	11	
225	DA311DV01	Tạo hình nhân vật-sinh vật	6	75	3	0	3	
226	DA312DV01	Thiết kế ý niệm Game	6	75	3	0	3	
227	DA350DV01	Thực tập Nghề nghiệp	3	8 tuần	40	0	40	
228	DA401DE01	Minh họa quảng cáo	3	60	0	1	1	
229	DA401DV01	Minh họa quảng cáo	3	60	0	8	8	
230	DA402DE01	Minh họa truyện tranh	3	60	16	1	17	
231	DA402DV01	Minh họa truyện tranh	3	60	0	15	15	
232	DA403DE01	Đồ họa minh họa sách	3	60	16	1	17	
233	DA403DV01	Đồ họa minh họa sách	3	60	0	12	12	
234	DA404DE01	Khởi nghiệp Nghệ thuật số	2	8	4	0	4	
235	DA404DV01	Khởi nghiệp Nghệ thuật số	2	8	10	0	10	
236	DC140DV01	Triết học Mác-Lênin	3	45	143	0	143	
237	DC141DV01	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	186	0	186	
238	DC142DV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	312	0	312	
239	DC143DV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	364	0	364	
240	DC144DV01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	368	0	368	
241	DM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	154	0	154	
242	DM302DE02	Chiến lược Marketing KTS	3	45	7	11	18	
243	DM302DV02	C/Lược Marketing kỹ thuật số	3	45	0	77	77	
244	DM304DE01	Dẫn nhập môn Marketing KTS	3	45	6	15	21	
245	DM304DV01	Dẫn nhập môn Marketing KTS	3	45	0	14	14	
246	DM305DE01	ST nội dung trên nền tảng TT	3	45	8	7	15	
247	DM306DE01	Quản trị QHKH & CL trực tuyến	3	45	0	46	46	
248	DM306DV01	Quản trị QHKH & CL trực tuyến	3	45	2	44	46	
249	DM308DE01	Đề án: Dự án Marketing KTS	2	0	12	0	12	
250	DM308DV03	Đề án ngành Digital Marketing	3	0	104	0	104	
251	DM309DV01	Dữ liệu Marketing kỹ thuật số	6	75	6	0	6	
252	DM310DV01	Đổi mới sáng tạo trong KD	3	0	70	0	70	
253	DM406DV01	Marketing trí tuệ nhân tạo	6	75	0	5	5	
254	EC201DE01	Thương mại Điện tử	3	45	23	2	25	
255	EC201DV01	Thương mại Điện tử	3	45	10	3	13	

256	EC202DE01	Cơ sở pháp lý về TMDT	3	45	0	5	5	
257	EC202DV01	Cơ sở pháp lý về thương mại ĐT	3	45	1	3	4	
258	EC203DE01	CN số trong k/doanh toàn cầu	3	45	0	35	35	
259	EC203DV01	CN số trong k/doanh toàn cầu	3	45	0	32	32	
260	EC250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	53	0	53	
261	EC301DV01	Sàn Giao dịch TMDT	3	45	3	15	18	
262	EC302DV01	Bán lẻ Điện tử	3	45	0	15	15	
263	EC303DE01	Chính phủ Điện tử	3	45	0	9	9	
264	EC303DV01	Chính phủ Điện tử	3	45	1	9	10	
265	EC304DV01	Kho Dữ liệu và Khai thác DL	3	45	0	15	15	
266	EC305DE01	Bảo mật Thương mại Điện tử	3	45	0	5	5	
267	EC305DV01	Bảo mật Thương mại Điện tử	3	45	2	5	7	
268	EC306DE01	Doanh nghiệp Điện tử	3	45	2	9	11	
269	EC306DV01	Doanh nghiệp Điện tử	3	45	0	20	20	
270	EC307DV01	Ứng dụng Blockchain trong KDQT	3	45	10	4	14	
271	EC308DE01	CNTT cơ bản trong TM điện tử	3	45	4	0	4	
272	EC309DV03	Đề án ngành Thương mại điện tử	3	0	26	0	26	
273	EC310DE01	Chiến lược Marketing TMDT	3	45	0	4	4	
274	EC310DV01	Chiến lược Marketing TMDT	3	45	0	3	3	
275	EC311DE01	Quản trị dự án TMDT	3	45	0	8	8	
276	EC311DV01	Quản trị dự án TMDT	3	45	0	6	6	
277	EC312DE01	Kinh doanh trên mạng xã hội	3	45	5	0	5	
278	EC313DE01	PT HT thanh toán di động	3	45	3	0	3	
279	EC314DE01	Thiết kế nội dung chuyên đôi	3	45	3	0	3	
280	EC315DV01	GD sản phẩm số trên sàn QT	6	75	0	2	2	
281	EC316DV01	Phân tích dữ liệu web	6	75	0	2	2	
282	EC317DV01	TN người dùng trực tuyến	6	75	0	4	4	
283	EC401DE01	Thương mại Điện tử Nâng cao	3	45	4	4	8	
284	EC401DV01	Thương mại Điện tử Nâng cao	3	45	0	3	3	
285	EC402DV01	KD game không cần lập trình	6	75	0	2	2	
286	EM102DV01	Nguyên lý Quản trị Sự kiện	3	45	1	0	1	
287	EM201DE01	Quản trị nhân sự trong sự kiện	3	45	8	0	8	
288	EM202DE01	CN & Ứng dụng trong ngành SK	3	45	1	0	1	
289	EM203DV01	VBPL & QT xin giấy phép SK	3	45	5	0	5	
290	EM204DE01	Marketing & Truyền thông SK	3	45	3	0	3	
291	EM205DV01	Phương pháp viết đề án TCSK	3	45	9	0	9	
292	EM208DV01	Nhập môn quản trị sự kiện	3	45	4	0	4	
293	EM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	18	0	18	
294	EM301DE01	Dịch vụ tiếp đãi SK	3	45	3	4	7	
295	EM302DE01	QT rủi ro & an toàn cho khách	3	45	2	0	2	
296	EM302DV01	Quản trị rủi ro và an toàn	3	45	4	0	4	
297	EM303DE01	DV tiếp đãi trong SK M.I.C.E	3	45	0	4	4	
298	EM303DV01	Dịch vụ tiếp đãi SK M.I.C.E	3	45	0	12	12	
299	EM304DV01	Giao thoa văn hóa SK M.I.C.E	3	45	0	12	12	
300	EM305DV01	Thiết kế sân khấu	3	45	0	9	9	
301	EM306DE01	Biên tập chương trình sự kiện	3	45	3	1	4	
302	EM306DV01	Biên tập chương trình sự kiện	3	45	0	9	9	
303	EM308DV01	QL địa điểm CSVK SK thể thao	3	45	0	28	28	
304	EM309DE01	Tổ chức & đánh giá SK thể thao	3	45	2	15	17	
305	EM311DV01	Khai thác văn hóa TCSK	3	45	0	4	4	
306	EM313DE01	Quản trị sự kiện bền vững	3	45	0	2	2	
307	EM315DE01	Quản trị M.I.C.E	3	45	7	35	42	
308	EM316DE01	Cung ứng Dịch vụ Ăn uống	3	45	3	20	23	
309	EM401DE01	QT Dự án trong ngành Sự kiện	3	45	1	0	1	
310	EM401DV01	Quản trị Dự án trong ngành SK	3	45	8	0	8	
311	EM402DE01	Tài chính & KS ngân sách SK	3	45	0	2	2	
312	EM403DE01	QTSK Giải trí – Văn hóa – NT	3	45	0	12	12	
313	EM404DE01	Quản trị sự kiện thể thao	3	45	2	15	17	
314	EM406DE02	S/xuất&thi công trong ngành SK	3	45	2	6	8	
315	EM407DV01	TK sân khấu,SX&thi công trg SK	6	75	2	0	2	
316	FM202DV01	Tâm lý học và điện ảnh	3	45	1	0	1	
317	FM206DE01	Dẫn nhập NN hình ảnh và AT	3	75	4	0	4	
318	FM207DV01	Điện ảnh Việt Nam	3	45	0	5	5	
319	FM308DV01	Sản xuất Phim truyện	3	75	0	31	31	
320	FM309DV01	Nghiệp vụ đạo diễn	3	60	0	1	1	
321	FM310DV01	Nghiệp vụ quay phim	3	60	0	1	1	
322	FM312DV01	Sản xuất phim tài liệu	3	75	0	37	37	

323	FM405DV01	Kỹ thuật hậu kỳ	3	45	2	0	2	
324	FT250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	20	0	20	
325	FT301DV01	UD trí tuệ nhân tạo trong CNTT	3	45	1	0	1	
326	FT302DE01	Ứng dụng phần mềm tài chính	3	45	0	27	27	
327	FT303DE01	Ứng dụng dữ liệu lớn tài chính	3	45	0	74	74	
328	FT305DE01	Ngân hàng số	3	45	0	36	36	
329	FT306DV01	Quản lý dữ liệu tài chính & UD	3	45	1	0	1	
330	FT307DE01	Hệ thống thanh toán quốc tế	3	45	0	38	38	
331	FT308DV01	QL DL TC & UD TTNT trong Fin.	6	75	1	0	1	
332	GD101DV01	Tin học Chuyên ngành 1	3	45	7	0	7	
333	GD102DV01	Nghệ thuật chữ 1 (cần bản)	3	45	10	0	10	
334	GD201DV01	Tin học Chuyên ngành 2	3	45	10	0	10	
335	GD202DV01	Tin học Chuyên ngành 3	3	45	9	0	9	
336	GD203DV01	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao)	3	45	18	0	18	
337	GD204DE01	Hồ sơ năng lực thiết kế	2	8	12	0	12	
338	GD205DE01	Đồ họa dàn trang	3	60	35	0	35	
339	GD207DV01	Kỹ thuật in	3	45	18	0	18	
340	GD209DE01	Tư duy thiết kế	3	45	5	0	5	
341	GD209DV01	Tư duy Thiết kế	3	45	18	5	23	
342	GD210DV01	Kỹ thuật phác họa	3	60	13	0	13	
343	GD211DV01	Kỹ thuật minh họa	3	60	25	0	25	
344	GD212DV01	Tin học thiết kế ứng dụng	6	90	22	0	22	
345	GD213DV01	Nghệ thuật chữ	6	75	5	0	5	
346	GD304DE01	Kịch bản và xây dựng KBPC	3	60	7	0	7	
347	GD305DE01	Đồ họa Nhận dạng Thương hiệu	3	60	32	0	32	
348	GD307DE01	Đồ họa động	3	60	0	30	30	
349	GD307DV01	Đồ họa động	3	60	2	18	20	
350	GD308DE01	Thiết kế kỹ xảo hình ảnh	3	60	18	19	37	
351	GD308DV01	Thiết kế kỹ xảo hình ảnh	3	60	1	27	28	
352	GD309DV01	Kỹ thuật minh họa số	3	60	7	0	7	
353	GD310DV01	Thiết kế UI - UX 1	3	60	27	0	27	
354	GD311DV01	Thiết kế UI - UX 2	3	60	24	0	24	
355	GD312DV01	Thiết kế UI - UX	6	75	4	0	4	
356	GD350DV01	Thực tập Nghề nghiệp	3	8 tuần	154	0	154	
357	GD401DE01	Khởi nghiệp thiết kế	2	0	27	0	27	
358	GD402DE01	Đồ họa truyền thông	3	60	32	0	32	
359	GE103DV01	Tiếng Anh 1	4	90	0	32	32	
360	GE104DV01	Tiếng Anh 2	4	90	0	32	32	
361	GE105DV01	Tiếng Anh 3	4	90	0	32	32	
362	GE201DV01	Tiếng Anh 4	4	90	0	32	32	
363	GLAW101DV01	Pháp luật Đại cương	3	45	263	0	263	
364	GLAW102DV01	Luật Kinh tế	3	45	1	0	1	
365	GLAW201DV01	Luật lao động	3	45	9	19	28	
366	GLAW202DE02	Luật thương mại & KD quốc tế	3	45	7	15	22	
367	GLAW202DV02	Luật Thương mại & KD Quốc tế	3	45	26	17	43	
368	GLAW204DV01	Hệ thống CT & các VB Pháp luật	3	45	24	0	24	
369	GS102DV01	Toán Rời rạc	3	45	30	0	30	
370	GS104DV01	Đại số Tuyến tính	3	45	61	0	61	
371	GS109DV02	Thống kê ứng dụng	3	45	281	17	298	
372	GS110DV01	Xác suất Thống kê cho Kỹ sư	3	45	36	0	36	
373	HAN101DV01	Tiếng Hàn 1	4	90	0	179	179	
374	HAN102DV01	Tiếng Hàn 2	4	90	0	172	172	
375	HAN103DV01	Tiếng Hàn 3	4	90	0	139	139	
376	HAN201DV03	Tiếng Hàn 4	4	90	0	71	71	
377	HM201DE01	Kỹ năng vận hành bộ phận phòng	3	60	4	0	4	
378	HM202DE01	Marketing trong DL-NH-KS	3	45	9	0	9	
379	HM203DV02	Phong cách CN trong ngành DL	3	45	1	0	1	
380	HM205DV01	Thực tập nhận thức 1	3	7 tuần	2	0	2	
381	HM206DV01	Thực tập nhận thức 2	3	7 tuần	3	0	3	
382	HM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	33	0	33	
383	HM301DV01	Quản lý Cơ sở vật chất KS-NH	3	45	13	0	13	
384	HM302DE01	P/triển nhân sự ngành dịch vụ	3	45	9	0	9	
385	HM305DE01	KN vận hành bộ phận tiền sảnh	3	60	12	0	12	
386	HM307DE01	Đặt chỗ và Quản trị Doanh thu	3	45	0	19	19	
387	HM307DV01	Đặt chỗ và Quản trị Doanh thu	3	45	0	3	3	
388	HM308DE01	KN đàm phán&KD trong ngành DV	3	45	19	8	27	
389	HM309DE01	Những XH ĐĐ trong ngành DL&SK	3	45	0	16	16	

390	HM314DV01	Quản trị dịch vụ cao cấp	3	45	5	0	5
391	HM315DE01	QL&Chăm sóc KH trong ngành DV	3	45	5	0	5
392	HM316DE01	Quản trị bộ phận phòng	3	45	3	0	3
393	HM317DE01	Quản trị tiền sảnh	3	45	3	0	3
394	HM401DE01	KN QL&Lãnh đạo trong ngành DV	3	45	23	0	23
395	HM402DV01	Tài chính trong KSNH	3	45	18	0	18
396	HM403DE01	Kế hoạch Phát triển Khách sạn	3	45	0	12	12
397	HM403DV01	Kế hoạch Phát triển Khách sạn	3	45	2	0	2
398	HM404DE01	Quản trị Lưu trú	3	45	4	9	13
399	HM407DE01	Khởi nghiệp trong ngành DV	3	45	3	6	9
400	HM410DV01	Quản lý và vận hành khách sạn	6	69	1	0	1
401	HRM202DV03	Đề án ngành Quản trị nhân lực	3	0	23	0	23
402	HRM203DE01	Quản trị Nhân sự	3	45	2	63	65
403	HRM203DV01	Quản trị Nhân sự	3	45	69	57	126
404	HRM204DE01	Văn hóa Doanh nghiệp	3	45	0	2	2
405	HRM204DV01	Văn hóa Doanh nghiệp	3	45	0	21	21
406	HRM250DV01	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	31	0	31
407	HRM302DE01	Lương, Thưởng và Phúc lợi	3	45	0	11	11
408	HRM302DV01	Lương, Thưởng và Phúc lợi	3	45	0	11	11
409	HRM305DE01	Quản trị Thành tích	3	45	0	4	4
410	HRM305DV01	Quản trị Thành tích	3	45	0	6	6
411	HRM306DE01	Quan hệ Lao động	3	45	0	3	3
412	HRM306DV01	Quan hệ Lao động	3	45	0	2	2
413	HRM307DV01	Tâm lý học nhân sự	3	45	2	19	21
414	HRM310DE01	Tuyển dụng nhân sự	3	45	0	7	7
415	HRM310DV01	Tuyển dụng nhân sự	3	45	0	4	4
416	HRM311DE01	Đào tạo và phát triển	3	45	0	4	4
417	HRM311DV01	Đào tạo và phát triển	3	45	0	4	4
418	HRM312DE01	Quản trị nhân sự quốc tế	3	45	0	4	4
419	HRM312DV01	Quản trị nhân sự quốc tế	3	45	0	4	4
420	HRM315DV01	Lương, thưởng, phúc lợi&QTTT	6	75	2	0	2
421	HRM316DV01	Hiệu TL NLD trong XDĐT nội bộ	6	75	0	3	3
422	HRM317DV01	C/sách,thủ tục&VH trong QT NNL	6	75	0	3	3
423	HRM404DE01	Quản trị nhân sự chiến lược	3	45	0	6	6
424	HRM404DV01	Quản trị nhân sự chiến lược	3	45	0	7	7
425	IB101DV01	Nhập môn Kinh doanh Quốc tế	3	45	70	5	75
426	IB201DE02	Thương mại quốc tế	3	45	0	26	26
427	IB201DV02	Thương mại quốc tế	3	45	12	28	40
428	IB202DV01	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	3	45	16	4	20
429	IB205DV01	Thương mại và hội nhập quốc tế	6	75	7	0	7
430	IB250DV01	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	204	2	206
431	IB301DE01	Đầu tư Quốc tế	3	45	0	79	79
432	IB301DV01	Đầu tư Quốc tế	3	45	24	7	31
433	IB303DV01	Nhượng quyền Kinh doanh	3	45	15	0	15
434	IB304DV03	ĐA ngành Kinh doanh quốc tế	3	0	115	0	115
435	IB305DV01	Nghiệp vụ Ngoại thương	3	45	1	9	10
436	IB306DE01	Thanh toán Quốc tế	3	45	23	26	49
437	IB306DV01	Thanh toán Quốc tế	3	45	0	21	21
438	IB308DV01	Thị trường đầu tư quốc tế	3	45	13	0	13
439	IB309DV01	Đàm phán & HĐ kinh doanh QT	3	45	24	0	24
440	IB310DE01	C/lược thâm nhập thị trường QT	3	45	0	21	21
441	IB310DV01	C/lược thâm nhập thị trường QT	3	45	0	21	21
442	IB311DV01	Luật và đàm phán kinh doanh QT	6	75	10	0	10
443	IB401DE01	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	3	45	21	19	40
444	IB401DV01	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	3	45	0	18	18
445	IB402DE01	Quản trị Xuất Nhập Khẩu	3	45	21	27	48
446	IB402DV01	Quản trị Xuất Nhập Khẩu	3	45	0	28	28
447	IB404DE01	CL thâm nhập TT QT&QT rủi ro	3	45	0	78	78
448	ILAW301DE01	Công pháp Quốc tế	3	45	3	0	3
449	ILAW301DV01	Công pháp Quốc tế	3	45	2	0	2
450	ILAW302DE01	Tư pháp Quốc tế	3	45	3	0	3
451	ILAW302DV01	Tư pháp Quốc tế	3	45	3	0	3
452	ILAW401DE01	Luật Đầu tư	3	45	12	15	27
453	ILAW401DV01	Luật Đầu tư	3	45	4	0	4
454	IT102DV01	Thực hành Công nghệ Thông tin1	1	30	24	0	24
455	IT201DV01	Cơ sở Dữ liệu	3	60	28	0	28
456	IT202DV01	Hệ quản trị Cơ sở Dữ liệu	3	60	13	0	13

457	IT204DV01	Thực hành Công nghệ Thông tin2	1	30	33	0	33	
458	IT205DV01	Thực hành Công nghệ Thông tin3	1	30	26	0	26	
459	IT206DV01	Phân tích thiết kế HĐT	3	60	33	0	33	
460	IT207DE01	Kiểm thử phần mềm	3	60	24	24	48	
461	IT207DV01	Kiểm thử Phần mềm	3	60	11	15	26	
462	IT208DV01	PT, TK&PT HT hướng đối tượng	6	105	22	0	22	
463	IT209DV01	Thiết kế và quản trị cơ sở DL	6	105	28	0	28	
464	IT250DV01	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	108	0	108	
465	IT301DE01	Cơ sở Dữ liệu Nâng cao	3	60	0	21	21	
466	IT301DV01	Cơ sở Dữ liệu Nâng cao	3	60	0	16	16	
467	IT305DE01	Thiết kế Tương tác	3	60	53	0	53	
468	IT306DE01	Chuyên đề Công nghệ	3	45	66	0	66	
469	IT308DV02	Đề án Chuyên ngành	3	0	49	0	49	
470	IT311DE01	Dữ liệu lớn	3	60	0	27	27	
471	IT311DV01	Dữ liệu lớn	3	60	0	22	22	
472	IT313DV01	PT ứng dụng cho TMĐT	3	45	0	12	12	
473	IT314DE01	K/thuật phát triển kho dữ liệu	3	60	0	27	27	
474	IT314DV01	KT phát triển kho dữ liệu	3	45	0	13	13	
475	IT315DE01	Cơ sở dữ liệu NoSQL	3	60	0	27	27	
476	IT315DV01	Cơ sở dữ liệu NoSQL	3	60	0	12	12	
477	IT316DV01	CN và UD Internet of Things	3	45	0	12	12	
478	IT317DE01	Phát triển ứng dụng IOT	3	60	0	26	26	
479	IT317DV01	Phát triển ứng dụng IOT	3	60	0	63	63	
480	IT401DE01	Công nghệ Blockchain	3	45	0	34	34	
481	IT401DV01	Công nghệ Blockchain	3	45	0	26	26	
482	IT403DE01	Kinh tế Kỹ thuật	3	45	0	7	7	
483	KL205DV01	Đối chiếu ngôn ngữ Hàn - Việt	3	45	1	0	1	
484	KL206DV01	Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc	3	45	1	0	1	
485	KL207DV01	Ứng dụng AI và phần mềm vp HQ	3	45	1	0	1	
486	KL250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	1	0	1	
487	KL301DV01	Tổng quan ngôn ngữ học HQ	3	60	1	0	1	
488	KL302DV01	Kỹ năng biên - phiên dịch	3	60	1	0	1	
489	KL303DV01	Kỹ năng Giảng dạy tiếng Hàn Qu	3	60	1	0	1	
490	KL304DV01	Tiếng Hàn Quốc kinh doanh - tm	3	60	1	0	1	
491	KL305DV01	Tiếng Hàn Quốc các ngành nghề	3	60	1	0	1	
492	KL306DV01	Soạn thảo thư tín và văn bản	3	60	1	0	1	
493	KL307DV01	Đề án thực hành ngành NN HQ	3	0	0	1	1	
494	KL308DV01	Đề án nghiên cứu khoa học	3	0	0	1	1	
495	KL309DV01	Tiếng Hàn Quốc truyền thông	3	60	1	0	1	
496	KL401DV01	Tiếng HQQuốc biên - phiên dịch	3	60	1	0	1	
497	KL402DV01	Viết báo cáo & tt tiếng HQQuốc	3	60	1	0	1	
498	KL403DV01	Kỹ năng nói tiếng Hàn Quốc	3	60	1	0	1	
499	KL404DV01	Viết và sáng tạo nội dung	3	45	1	0	1	
500	KT204DV02	Nguyên lý Kế toán	3	45	87	6	93	
501	KT210DE02	Kế toán Tài chính 1	3	60	5	0	5	
502	KT211DV04	Kế toán Tài chính Việt Nam 1	3	60	3	0	3	
503	KT212DV02	Thuế	3	45	8	6	14	
504	KT250DV02	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	37	0	37	
505	KT301DV02	Kế toán Quản trị Chi phí	3	45	1	1	2	
506	KT302DV01	Kế toán Quản trị	3	45	5	0	5	
507	KT303DE01	Hệ thống Thông tin Kế toán	3	45	5	0	5	
508	KT303DV01	Hệ thống thông tin kế toán	3	45	2	0	2	
509	KT304DV04	Kế toán Tài chính Việt Nam 2	3	45	3	0	3	
510	KT305DE02	T/Tin Chi phí ra Quyết định	3	60	4	1	5	
511	KT307DE03	Phần mềm kế toán số	3	60	5	0	5	
512	KT307DV03	Phần mềm kế toán số	3	60	0	21	21	
513	KT308DE03	Kế toán Tài chính 2	3	45	6	0	6	
514	KT309DE02	Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 1	3	45	6	0	6	
515	KT310DE01	KT Quản trị và ra Quyết định 1	3	45	4	0	4	
516	KT314DE01	KT quản trị và ra quyết định 2	3	45	10	0	10	
517	KT315DE01	Hệ thống Kế toán Việt Nam	3	45	2	0	2	
518	KT317DE01	Mô phỏng Kế toán	3	60	4	2	6	
519	KT317DV01	Mô phỏng Kế toán	3	60	0	22	22	
520	KT318DE01	Kế toán tài chính 3	3	45	0	5	5	
521	KT320DV01	Đề án ứng dụng	3	0	3	0	3	
522	KT321DV01	HT thông tin và phân tích DL	6	75	4	0	4	
523	KT322DV01	Quản trị hiệu quả hoạt động	6	75	2	0	2	

524	KT402DE01	Kế toán Ngân hàng	3	45	0	13	13	
525	KT402DV01	Kế toán Ngân hàng	3	45	11	1	12	
526	KT405DE01	Đề án:QT kiểm toán báo cáo TC	2	0	0	3	3	
527	KT409DE02	Đề án: Phân tích Báo cáo TC	2	0	0	3	3	
528	KT410DE02	Kiểm toán và Dịch vụ Đảm bảo 2	3	45	7	0	7	
529	KT412DE01	Lập và phân tích BC tài chính	3	45	3	28	31	
530	KT413DE01	Kiểm toán nội bộ	3	45	0	33	33	
531	KT414DE01	Kế toán tài chính 4	3	45	0	5	5	
532	KT415DV01	Kiểm toán	3	60	3	0	3	
533	LAW101DV02	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	45	10	0	10	
534	LAW102DV01	PP Phân tích Luật viết	2	30	0	8	8	
535	LAW103DV01	Luật Hiến pháp	3	45	2	0	2	
536	LAW104DV01	Những VĐ chung về Luật Dân sự	3	45	1	0	1	
537	LAW105DV02	Luật Hôn nhân và Gia đình	3	Seminar	9	0	9	
538	LAW106DV01	Luật Đất đai – Môi trường	3	45	6	0	6	
539	LAW107DV01	Luật Lao động	3	45	4	0	4	
540	LAW108DV01	Luật Thuế	3	45	1	0	1	
541	LAW109DV01	Luật Hình sự & Luật TT Hình sự	3	45	3	0	3	
542	LAW110DV01	Luật Hành chính và Tổ tụng HC	3	45	5	0	5	
543	LAW111DV01	Luật Tố tụng Dân sự	3	45	7	0	7	
544	LAW112DE01	PL về Chủ thể KD & phá sản	3	45	4	0	4	
545	LAW113DV01	PL về Hàng hóa và dịch vụ	3	45	3	0	3	
546	LAW114DE02	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	45	4	0	4	
547	LAW116DV01	Kỹ năng tranh tụng	2	30	1	0	1	
548	LAW117DV01	Phương pháp luận NCKH luật	2	30	1	0	1	
549	LAW201DV01	Luật Tài sản	3	45	4	0	4	
550	LAW202DV01	PL về Hợp đồng & BTTH ngoài HĐ	3	45	3	0	3	
551	LAW203DV01	Pháp luật về Bảo đảm Nghĩa vụ	2	30	1	0	1	
552	LAW203DV02	Pháp luật về Bảo đảm Nghĩa vụ	3	45	1	0	1	
553	LAW204DE01	Hợp đồng chuyên sâu	2	30	4	0	4	
554	LAW205DV01	PL về Công chứng, Chứng thực	2	30	2	0	2	
555	LAW206DV01	Luật Sở hữu Trí tuệ	3	45	13	0	13	
556	LAW208DV01	Luật học So Sánh	2	30	0	1	1	
557	LAW209DV02	Kỹ năng thực hành pháp luật	3	45	0	20	20	
558	LAW215DV01	Tội phạm học	2	30	1	0	1	
559	LE101DV01	Phương pháp Học Đại học	3	Seminar	0	182	182	
560	LE103DV01	Giới & Phát triển tại Việt Nam	3	Seminar	1	908	909	
561	LE104DV02	Con người, môi trường và các	3	Seminar	1	119	120	
562	LE110DV01	Kỹ năng truyền thông-giao tiếp	3	Seminar	5	25	30	
563	LE131DV01	Kỹ năng hội nhập quốc tế	3	Seminar	0	1021	1021	
564	LE133DV01	Triết học nhân sinh	3	Seminar	0	114	114	
565	LE202DV01	Tư duy Phân biện	3	Seminar	2	771	773	
566	LE208DV01	Giao tiếp liên Văn hoá	3	Seminar	0	139	139	
567	LE212DV01	Tinh thần doanh chủ	3	Seminar	0	1018	1018	
568	LG201DE01	Quản trị Nhà kho và Tồn kho	3	45	0	9	9	
569	LG201DV01	Quản trị Nhà kho và Tồn kho	3	45	0	12	12	
570	LG202DE01	Logistics	3	45	3	16	19	
571	LG202DV01	Logistics	3	45	0	13	13	
572	LG203DE01	Quản trị Thu mua	3	45	0	6	6	
573	LG203DV01	Quản trị Thu mua	3	45	0	11	11	
574	LG204DE01	Logistics (FIATA)	3	45	0	6	6	
575	LG205DE01	QT nhà kho và tồn kho (FIATA)	3	45	7	13	20	
576	LG206DE01	N/lý logistics&QL chuỗi C/úng	3	45	0	13	13	
577	LG206DV01	N/lý logistics&QL chuỗi C/úng	3	45	15	12	27	
578	LG250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	46	0	46	
579	LG301DE01	Vận tải và Bảo hiểm Quốc tế	3	45	0	35	35	
580	LG301DV01	Vận tải và Bảo hiểm Quốc tế	3	45	0	32	32	
581	LG303DE01	QL và Khai thác Cảng biển	3	45	0	8	8	
582	LG303DV01	QL và Khai thác Cảng biển	3	45	0	15	15	
583	LG304DV01	Hệ thống Thông tin Logistics	3	45	0	13	13	
584	LG305DE01	Vận tải Quốc tế	3	45	0	7	7	
585	LG305DV01	Vận tải Quốc tế	3	45	0	6	6	
586	LG306DV01	Giao nhận HH và khai báo HQ	3	45	8	7	15	
587	LG307DV01	Vận tải đa phương thức	3	45	0	10	10	
588	LG308DV01	Vận tải thủy	3	45	0	5	5	
589	LG309DE01	Hàng hóa & BH trong VTQT	3	45	7	6	13	
590	LG309DV01	Hàng hóa & BH trong VTQT	3	45	17	6	23	

591	LG311DE01	Nghiệp vụ Ngoại thương (FIATA)	3	45	3	9	12	
592	LG312DE01	Giao nhận HH& KBHQ-FIATA	3	45	4	5	9	
593	LG313DE01	Vận tải đa phương thức (FIATA)	3	45	3	8	11	
594	LG314DE01	Vận tải thủy (FIATA)	3	45	1	11	12	
595	LG315DE01	HH & BH trong VTQT (FIATA)	3	45	28	6	34	
596	LG316DE01	HT Thông tin Logistics (FIATA)	3	45	0	17	17	
597	LG319DE01	Vận hành D/Vụ Logistics(FIATA)	3	45	3	8	11	
598	LG321DE01	Logistics hàng không (FIATA)	3	45	2	0	2	
599	LG322DV02	Đề án ngành Logistics & QLCCU	3	0	19	0	19	
600	MC201DE01	TT xã hội&sáng tạo ND cho TTXH	3	60	5	0	5	
601	MC250DV01	Thực tập nhận thức	3	0	75	0	75	
602	MC301DV01	Truyền thông dữ liệu	3	45	2	0	2	
603	MC302DV01	Tiếng Anh chuyên ngành TTĐPT	3	75	2	0	2	
604	MC303DE01	Kịch bản truyền thông	3	60	1	74	75	
605	MC401DV01	Đề án truyền thông đa PT	3	0	2	0	2	
606	MIS102DE01	Nhập môn Hệ thống thông tin QL	3	45	0	6	6	
607	MIS102DV01	Nhập môn Hệ thống Thông tin QL	3	45	84	10	94	
608	MIS104DV01	Kỹ năng số và ứng dụng AI	3	45	0	134	134	
609	MIS203DV01	Thiết kế Web và Đồ họa	3	45	34	0	34	
610	MIS208DV01	Phân tích và Thiết kế HTTT	3	45	1	0	1	
611	MIS209DV02	Lập trình Ứng dụng Kinh doanh	3	45	1	0	1	
612	MIS214DV01	Phân tích định lượng	3	45	40	2	42	
613	MIS215DV01	TH ứng dụng khối ngành Kinh tế	3	45	381	13	394	
614	MIS216DV02	THUD khối ngành Du lịch	3	45	43	0	43	
615	MIS217DV01	THUD khối ngành KHXH	3	45	92	0	92	
616	MIS250DV01	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	1	0	1	
617	MIS302DE01	Phân tích Hệ thống Nghiệp vụ	3	45	22	0	22	
618	MIS303DV02	Ứng dụng thương mại điện tử	3	60	0	1	1	
619	MIS306DE02	Hoạch định nguồn lực DN	3	45	1	0	1	
620	MIS312DV01	Những xu hướng Công nghệ mới	3	45	0	1	1	
621	MIS314DV02	KD Thông minh & Phân tích DLL	3	45	11	1	12	
622	MK202DE02	Hành vi khách hàng	3	45	78	29	107	
623	MK202DV02	Hành vi khách hàng	3	45	84	27	111	
624	MK203DE01	Marketing Căn bản	3	45	0	33	33	
625	MK203DV01	Marketing Căn bản	3	45	87	31	118	
626	MK208DE01	Nghiên cứu Marketing	3	45	15	31	46	
627	MK208DV01	Nghiên cứu Marketing	3	45	21	47	68	
628	MK250DV02	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	163	0	163	
629	MK302DE01	Marketing Quốc tế	3	45	0	14	14	
630	MK302DV01	Marketing Quốc tế	3	45	0	13	13	
631	MK303DV02	Marketing định hướng dữ liệu	3	45	2	68	70	
632	MK305DE02	Quản trị kênh Marketing	3	45	0	23	23	
633	MK305DV02	Quản trị kênh Marketing	3	45	0	21	21	
634	MK306DE01	Quản trị Bán lẻ	3	45	0	4	4	
635	MK306DV01	Quản trị Bán lẻ	3	45	0	4	4	
636	MK307DE01	Quản trị Sản phẩm	3	45	14	24	38	
637	MK307DV01	Quản trị Sản phẩm	3	45	0	27	27	
638	MK308DE03	QT truyền thông Mkt. tích hợp	3	45	34	114	148	
639	MK308DV03	QT truyền thông Mkt. tích hợp	3	45	0	37	37	
640	MK309DE01	Quản trị Marketing	3	45	0	20	20	
641	MK309DV01	Quản trị Marketing	3	45	0	18	18	
642	MK310DE01	Quản trị Bán hàng	3	45	3	47	50	
643	MK310DV01	Quản trị Bán hàng	3	45	9	129	138	
644	MK315DV04	Đề án ngành Marketing	3	0	119	0	119	
645	MK316DE01	Chiến lược Định giá	3	45	13	45	58	
646	MK316DV01	Chiến lược Định giá	3	45	0	51	51	
647	MK317DE01	Chiến lược Marketing	3	45	0	58	58	
648	MK317DV01	Chiến lược Marketing	3	45	11	144	155	
649	MK318DE01	PT truyền thông Marketing XH	3	45	0	1	1	
650	MK318DV01	PT truyền thông Marketing XH	3	45	0	164	164	
651	MK326DV01	Lập KH ĐH nghề Mar c/nghiệp	3	45	0	6	6	
652	MK327DV01	Chiến lược Marketing&bán hàng	6	75	4	16	20	
653	MK328DV01	Đề án doanh nghiệp	3	0	76	0	76	
654	MK401DE02	Quản trị Thương hiệu	3	45	3	36	39	
655	MK401DV02	Quản trị Thương hiệu	3	45	0	104	104	
656	MK402DE01	Quản trị Marketing B2B	3	45	0	13	13	
657	MK402DV01	Quản trị Marketing B2B	3	45	0	13	13	

658	MK403DE02	Quản lý và chăm sóc khách hàng	3	45	3	35	38
659	MK403DV02	Quản lý và chăm sóc khách hàng	3	45	0	17	17
660	MK404DE01	Marketing Dịch vụ	3	45	0	26	26
661	MK404DV01	Marketing Dịch vụ	3	45	0	92	92
662	MK406DE01	Marketing nội dung	3	45	0	34	34
663	MK406DV01	Marketing nội dung	3	45	1	32	33
664	MK407DE01	Quản trị tài trợ và sự kiện	3	45	2	2	4
665	MK407DV01	Quản trị tài trợ và sự kiện	3	45	1	109	110
666	MK409DE01	Marketing nền tảng di động	3	45	0	33	33
667	MK409DV01	Marketing nền tảng di động	3	45	0	103	103
668	MK410DE01	Phân tích dữ liệu Marketing ĐT	3	45	0	48	48
669	MK410DV01	Phân tích dữ liệu Marketing ĐT	3	45	0	117	117
670	MK411DE01	Quản trị khuyến mãi	3	45	0	13	13
671	MK411DV01	Quản trị khuyến mãi	3	45	0	13	13
672	MK412DE01	Quản trị bán hàng B2B	3	45	0	28	28
673	MK412DV01	Quản trị bán hàng B2B	3	45	0	26	26
674	MK413DV01	Điều hành bán hàng đa kênh	3	45	31	0	31
675	MK415DV01	Những v/đề đương đại trong Mkt	6	75	0	7	7
676	MK416DV01	Quản trị thương hiệu	6	75	0	7	7
677	MK417DV01	Mkt trên nền tảng di động&MXH	6	75	0	5	5
678	NHAT101DV02	Tiếng Nhật 1	4	90	0	183	183
679	NHAT102DV03	Tiếng Nhật 2	4	90	0	189	189
680	NHAT103DV03	Tiếng Nhật 3	4	90	0	152	152
681	NHAT201DV05	Tiếng Nhật 4	4	90	0	74	74
682	PHAP101DV02	Tiếng Pháp 1	4	90	0	190	190
683	PHAP102DV02	Tiếng Pháp 2	4	90	0	189	189
684	PHAP103DV02	Tiếng Pháp 3	4	90	0	155	155
685	PHAP201DV04	Tiếng Pháp 4	4	90	0	85	85
686	PR101DV02	Viết bình luận và tranh luận	3	60	8	0	8
687	PR201DE01	TQ về KD & QT doanh nghiệp	3	45	10	6	16
688	PR201DV01	Tổng quan Kinh doanh QTDN	3	45	2	7	9
689	PR202DE01	Nhập môn Quan hệ công chúng	3	45	3	1	4
690	PR202DV01	Nhập môn Quan hệ công chúng	3	45	0	1	1
691	PR203DE01	Sản xuất tin tức & phóng sự	3	45	0	6	6
692	PR203DV01	Sản xuất tin tức & phóng sự	3	45	2	6	8
693	PR204DE01	Truyền thông thị giác	3	45	0	12	12
694	PR204DV01	Truyền thông thị giác	3	45	6	9	15
695	PR250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	54	0	54
696	PR301DV01	Kỹ năng nói trước công chúng	3	45	5	1	6
697	PR302DE01	Ng/cứu trong hoạt động QHCC	3	45	0	9	9
698	PR302DV01	Nghiên cứu trong QHCC	3	45	3	10	13
699	PR303DE01	Hoạch định chiến lược & QT	3	45	1	21	22
700	PR303DV01	Hoạch định chiến lược & QT	3	45	1	20	21
701	PR304DV01	Kỹ năng viết nâng cao cho QHCC	3	45	1	95	96
702	PR308DV02	Đề án: Sản xuất SP TT PR	3	0	13	0	13
703	PR310DV01	SX SP truyền thông cho HĐ QHCC	6	75	1	0	1
704	PR311DV01	Lập kế hoạch & QL CT QHCC	6	75	1	0	1
705	PR401DE01	Truyền thông doanh nghiệp	3	45	78	6	84
706	PR401DV01	Truyền thông doanh nghiệp	3	45	0	9	9
707	PR402DE01	Quản lý khủng hoảng TT	3	45	1	83	84
708	PR402DV01	Quản lý khủng hoảng TT	3	45	3	44	47
709	PSY101DV01	Nhập môn Tâm lý học	3	45	5	0	5
710	PSY102DV02	Tiến trình H/thành K/học về TL	3	45	8	0	8
711	PSY103DV01	Đặc tính Tâm lý của người VN	3	45	14	0	14
712	PSY104DV01	PPNCKH trong Tâm lý học	3	45	7	0	7
713	PSY105DV01	Tâm lý học Phát triển	3	45	1	0	1
714	PSY106DV02	Tâm lý học XH trong đời sống	3	45	5	0	5
715	PSY107DE01	TLH - Khái niệm và ứng dụng	3	45	0	10	10
716	PSY107DV01	Tâm lý học - Khái niệm và UD	3	45	3	43	46
717	PSY111DV01	PP nghiên cứu & T/Kê trong TLH	6	75	6	0	6
718	PSY201DV01	Đánh giá Tâm lý	3	45	11	0	11
719	PSY202DE02	T/Hành chuyên nghiệp trong TLH	3	45	12	0	12
720	PSY203DV01	ĐA1: UD Tâm lý vào MT sống	2	0	8	0	8
721	PSY204DV01	Kỹ năng Tham vấn Căn bản	3	45	4	0	4
722	PSY205DV01	Lý thuyết về Nhân cách	3	45	9	0	9
723	PSY206DE01	Tâm bệnh học I	3	45	14	0	14
724	PSY206DV01	Tâm bệnh học 1	3	45	1	0	1

725	PSY207DE01	Tâm bệnh học II	3	45	22	0	22	
726	PSY208DV01	Tâm lý học Hành vi	3	45	8	0	8	
727	PSY209DV01	Tâm lý học Hướng nghiệp	3	45	13	0	13	
728	PSY210DV01	Tâm lý học trong Doanh nghiệp	3	45	3	0	3	
729	PSY212DV01	Đề án Nghiên cứu	3	0	17	0	17	
730	PSY250DV01	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	38	0	38	
731	PSY301DV01	ĐA 2: ỨD Tâm lý Chuyên ngành	2	0	13	0	13	
732	PSY302DE01	Lý thuyết và Kỹ thuật Tham vấn	3	45	9	1	10	
733	PSY302DV01	Lý thuyết và Kỹ thuật Tham vấn	3	45	3	1	4	
734	PSY303DE01	Năng động nhóm	3	45	4	0	4	
735	PSY304DV01	Phát triển Nghề nghiệp	3	45	2	0	2	
736	PSY305DE01	Phát triển nhân cách	3	45	0	7	7	
737	PSY305DV01	Phát triển Nhân cách	3	45	1	2	3	
738	PSY306DE01	Tâm lý học Sức khỏe	3	Seminar	0	21	21	
739	PSY306DV01	Tâm lý học Sức khỏe	3	45	0	9	9	
740	PSY307DV02	Tâm lý sinh học & TK học về HV	3	45	14	0	14	
741	PSY308DE01	Tâm lý SH & TK học về HV II	3	45	17	0	17	
742	PSY309DE01	Tham vấn Học đường	3	45	12	0	12	
743	PSY310DV01	Trắc nghiệm Tâm lý	3	45	7	0	7	
744	PSY311DE01	Tâm lý học Lâm sàng	3	45	7	0	7	
745	PSY312DE01	Tham vấn Hướng nghiệp	3	45	14	0	14	
746	PSY313DE01	Trị liệu Nhận thức Hành vi I	3	45	15	0	15	
747	PSY313DV01	Trị liệu Nhận thức Hành vi I	3	45	9	0	9	
748	PSY315DV01	Nền tảng và kỹ thuật Tham vấn	6	75	3	0	3	
749	PSY401DV01	Tham vấn Nghề nghiệp Nâng cao	3	45	3	2	5	
750	PSY403DE01	Trị liệu Nghệ thuật	3	45	0	12	12	
751	PSY403DV01	Trị liệu Nghệ thuật	3	45	0	6	6	
752	PSY404DE01	Trị liệu nhận thức hành vi II	3	45	12	0	12	
753	PSY404DV01	Trị liệu Nhận thức Hành vi II	3	45	9	8	17	
754	PSY405DV01	Trị liệu Nhận thức Thiền định	3	45	11	5	16	
755	PSY406DV01	Ứng dụng Tham vấn Hướng nghiệp	3	45	0	2	2	
756	PSY407DE01	Chánh niệm trong T/vấn-T/liệu	3	45	0	7	7	
757	PSY408DV01	Trị liệu nhận thức hành vi	6	75	2	0	2	
758	PSY410DE01	Tâm lý học Tích cực	3	45	14	0	14	
759	PSY411DE01	Trắc nghiệm TL trong Lâm sàng	3	45	0	17	17	
760	PSY412DE01	Trắc nghiệm tâm lý trong DN	3	45	0	17	17	
761	PSY413DE01	Tâm lý học Hành vi trong DN	3	Seminar	0	17	17	
762	PSY450DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	8 tuần	3	0	3	
763	RM101DE01	Kỹ năng Vận hành DV ẩm thực	3	45	13	0	13	
764	RM202DV01	Chế biến Món ăn	3	60	3	0	3	
765	RM203DE01	Văn hóa Ẩm thực	3	45	5	0	5	
766	RM203DV01	Văn hóa Ẩm thực	3	45	7	2	9	
767	RM204DE01	Xây dựng Thực đơn	3	45	4	0	4	
768	RM204DV01	Xây dựng Thực đơn	3	45	2	0	2	
769	RM205DE01	An toàn và Vệ sinh	3	45	0	8	8	
770	RM205DV01	An toàn và Vệ sinh	3	45	4	0	4	
771	RM250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	34	0	34	
772	RM302DE01	KN vận hành quầy rượu&đồ uống	3	45	6	4	10	
773	RM304DV01	Kỹ thuật làm bánh	3	60	8	0	8	
774	RM306DE01	Kiểm soát Chi phí	3	45	0	8	8	
775	RM401DE01	Kế hoạch Thiết kế Nhà hàng	3	45	6	7	13	
776	SE201DV01	Nhập môn Kinh tế thể thao	3	45	2	0	2	
777	SE205DV01	KTCS về An toàn trong thể thao	3	45	0	13	13	
778	SE250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	13	0	13	
779	SE303DV01	Quản lý công trình thể thao	3	45	2	0	2	
780	SE305DE01	Quản lý câu lạc bộ thể thao	3	45	2	0	2	
781	SE316DV01	Đề án ngành Kinh tế thể thao	3	0	13	0	13	
782	SE403DE01	Quản lý các tổ chức thể thao	3	45	2	0	2	
783	SW101DV01	Nhập môn Lập trình	3	60	18	0	18	
784	SW102DV01	Cấu trúc Dữ liệu và Giải thuật	3	60	10	0	10	
785	SW103DV01	Lập trình Hướng đối tượng	3	60	9	0	9	
786	SW104DV01	Cơ sở lập trình	6	105	12	0	12	
787	SW205DV01	Đồ án Thực tập Lập trình A	2	45	34	0	34	
788	SW206DV01	P/Tích và thiết kế giải thuật	3	60	28	0	28	
789	SW209DE01	Kỹ thuật lập trình nâng cao	3	60	28	0	28	
790	SW210DE01	Công nghệ Phần mềm	3	45	61	0	61	
791	SW211DV01	Cấu trúc DL & TK giải thuật	6	105	34	0	34	

792	SW250DV01	Thực tập nhận thức	3	7 tuần	71	0	71	
793	SW301DE01	Phát triển game	3	60	0	33	33	
794	SW301DV01	Phát triển Game	3	60	0	38	38	
795	SW302DV01	Phát triển Game nâng cao	3	60	0	31	31	
796	SW303DV01	Phát triển ứng dụng đám mây	3	60	0	17	17	
797	SW304DE01	Đ/toán T/gian thực&HT nhúng	3	60	0	26	26	
798	SW304DV01	Điện toán TG thực và HT nhúng	3	60	0	17	17	
799	SW305DE01	Phát triển Web	3	60	0	21	21	
800	SW305DV01	Phát triển Web	3	60	0	97	97	
801	SW306DE01	Phát triển Web front-end	3	60	0	6	6	
802	SW306DV01	Phát triển Web Front-End	3	60	0	38	38	
803	SW307DE01	P/triển Web với Servlets & JSP	3	60	0	7	7	
804	SW307DV01	PT Web với Servlets & JSP	3	60	0	30	30	
805	SW310DE01	P/triển UD trên T/bị di động	3	60	0	32	32	
806	SW310DV01	PT ứng dụng trên TB di động	3	60	0	56	56	
807	SW311DE01	P/triển Web sử dụng Framework	3	60	0	7	7	
808	SW311DV01	Phát triển Web sd Framework	3	60	0	31	31	
809	SW312DE01	Phát triển phần mềm ứng dụng	3	60	0	24	24	
810	SW312DV01	Phát triển phần mềm ứng dụng	3	60	0	53	53	
811	SW313DE01	Công nghệ .Net	3	60	0	3	3	
812	SW313DV01	Công nghệ .Net	3	60	0	5	5	
813	SW314DE01	PT UD Web trên nền tảng JavaEE	3	60	0	7	7	
814	SW314DV01	PT UD Web trên N/tầng Java EE	3	60	0	31	31	
815	SW318DE01	Kỹ thuật Thu thập Yêu cầu PM	3	45	23	7	30	
816	SW319DE01	An toàn Phần mềm và Hệ thống	3	60	17	0	17	
817	SW320DV01	Phát triển dự án phần mềm	3	45	21	0	21	
818	SW401DV01	Quản lý Chất lượng Phần mềm	3	45	0	13	13	
819	SW402DE01	Kiến trúc Phần mềm	3	60	87	0	87	
820	SW403DE01	Quản trị Dự án Phần mềm	3	45	101	0	101	
821	TC201DE02	Tài chính tiền tệ	3	45	0	5	5	
822	TC201DV02	Tài chính Tiền tệ	3	45	11	6	17	
823	TC202DE01	Tài chính Doanh nghiệp	3	45	8	70	78	
824	TC202DV01	Tài chính Doanh nghiệp	3	45	124	71	195	
825	TC203DE02	Tài chính Quốc tế	3	45	0	15	15	
826	TC203DV02	Tài chính Quốc tế	3	45	0	11	11	
827	TC208DE01	Nghiệp vụ ngân hàng	3	45	0	11	11	
828	TC208DV01	Nghiệp vụ ngân hàng	3	45	0	11	11	
829	TC250DV02	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	67	0	67	
830	TC301DE02	Các Công cụ T/Chính Phái sinh	3	45	2	18	20	
831	TC301DV02	Các công cụ t/chính phái sinh	3	45	0	16	16	
832	TC302DE01	Phân tích Báo cáo Tài chính	3	Seminar	15	20	35	
833	TC302DV01	Phân tích Báo cáo Tài chính	3	45	0	14	14	
834	TC303DE01	Quản trị Danh mục Đầu tư	3	45	2	49	51	
835	TC303DV01	Quản trị Danh mục Đầu tư	3	45	0	8	8	
836	TC304DE02	Quản trị Tài chính	3	45	2	17	19	
837	TC304DV02	Quản trị Tài chính	3	45	3	5	8	
838	TC305DE01	Tái Cấu trúc & Định giá DN	3	45	0	74	74	
839	TC305DV01	Tái cấu trúc và Định giá DN	3	45	0	17	17	
840	TC306DE02	Quản trị rủi ro	3	45	10	10	20	
841	TC306DV02	Quản trị rủi ro	3	45	0	8	8	
842	TC312DE01	Ngân hàng Bán lẻ	3	45	0	6	6	
843	TC312DV01	Ngân hàng Bán lẻ	3	45	2	7	9	
844	TC319DE01	Tài chính Hành vi	3	45	1	0	1	
845	TC324DV02	Phân tích dữ liệu tài chính DN	3	45	3	0	3	
846	TC325DE01	Nhập môn về Công nghệ TC	3	45	0	4	4	
847	TC329DV01	Ứng dụng blockchain trong TC	3	45	0	6	6	
848	TC330DE01	Nghiệp vụ nguồn vốn và đầu tư	3	45	0	9	9	
849	TC330DV01	Nghiệp vụ nguồn vốn và đầu tư	3	45	1	9	10	
850	TC331DE01	Tài chính khởi nghiệp	3	45	0	5	5	
851	TC334DV01	TT chứng khoán và Phái sinh	3	60	11	0	11	
852	TC335DV01	TC QT trong các tập đoàn đa QG	3	60	18	0	18	
853	TC336DV01	NM về công nghệ TC&blockchain	3	60	5	0	5	
854	TC337DV01	QT tài chính doanh nghiệp	6	90	3	0	3	
855	TC338DV01	Đầu tư và kinh doanh ngân hàng	6	75	1	0	1	
856	TC339DV01	Trực quan hóa dữ liệu TC	3	45	2	0	2	
857	TC401DV02	Ppháp định lượng trong t/chính	3	45	2	0	2	
858	TC402DE01	Các Mô hình Tài chính	3	45	2	12	14	

859	TC402DV01	Các Mô hình Tài chính	3	45	2	5	7
860	TC406DE01	Tín dụng Ngân hàng	3	45	0	15	15
861	TC406DV01	Tín dụng Ngân hàng	3	45	2	8	10
862	TC407DE02	QT rủi ro trong ngân hàng	3	45	1	7	8
863	TC419DE01	Tài chính Tập đoàn đa Quốc gia	3	45	0	7	7
864	TC419DV01	Tài chính Tập đoàn Đa Quốc gia	3	45	0	11	11
865	TC422DV02	Đề án ứng dụng	2	0	6	0	6
866	TC425DE01	Quản trị rủi ro tài chính	3	45	2	0	2
867	TC427DV01	Đề án ứng dụng tài chính	3	0	0	1	1
868	TC428DV01	Đề án ứng dụng ngân hàng	3	0	3	0	3
869	TC430DE01	Tạo lập Giá trị Doanh nghiệp	3	45	2	47	49
870	TC430DV01	Tạo lập Giá trị Doanh nghiệp	3	45	0	1	1
871	TC431DV01	Các mô hình QT và đầu tư TC	6	75	4	0	4
872	TC432DV01	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	6	75	1	0	1
873	TC433DV01	Đề án "Behind the data"	3	0	73	0	73
874	TK104DV02	Văn hoá Thời trang 1	3	60	5	0	5
875	TK111DV01	Vật liệu Dệt may	3	60	3	0	3
876	TK112DV01	PP Nghiên cứu & PT ý tưởng	3	45	4	0	4
877	TK113DV02	Nguyên lý Thiết kế Thời trang	3	60	26	0	26
878	TK115DV02	Photoshop, Illustrator, InDesi	2	60	6	0	6
879	TK116DV01	Xử lý bề mặt vật liệu	3	60	8	0	8
880	TK117DV01	Nền tảng thiết kế thời trang	3	75	24	0	24
881	TK203DE04	PP phân thảo mẫu & T/bày BST	3	60	2	0	2
882	TK203DV04	PP Phân thảo mẫu & TBBST	3	60	27	0	27
883	TK209DE01	Văn hóa Thời trang 2	3	60	1	0	1
884	TK209DV01	Văn hóa thời trang 2	3	60	2	0	2
885	TK213DV01	Đề án 1	2	12	2	0	2
886	TK214DV03	Vẽ kỹ thuật Trang phục	2	60	1	0	1
887	TK215DE01	Quản lý hồ sơ năng lực TKTT	3	45	3	0	3
888	TK215DV01	Quản lý hồ sơ năng lực TKTT	3	45	56	0	56
889	TK216DV02	CAD	3	75	2	0	2
890	TK217DV01	Văn hóa thời trang	6	90	1	0	1
891	TK218DV01	Thiết kế bộ sưu tập thời trang	6	90	3	0	3
892	TK313DE01	Thiết kế Thời trang Nữ	3	60	62	0	62
893	TK314DE01	Thiết kế Thời trang Nam	3	60	53	1	54
894	TK315DE02	TKTP trẻ em, TP lót & phụ trang	3	90	9	0	9
895	TK318DV02	Tiếp thị Thời trang	3	60	22	0	22
896	TK320DV01	Đề án 2	2	12	3	0	3
897	TK322DV02	Nguyên lý ngành CN Thời trang	3	60	4	0	4
898	TK324DE01	QT Thương hiệu Thời trang	3	60	1	1	2
899	TK325DE03	Q/Trị chiến lược hàng hóa TT	3	60	3	0	3
900	TK326DE02	TT Marketing Tích hợp trong TT	3	60	4	0	4
901	TK328DE01	Nghiên cứu Xu hướng Thời trang	2	45	4	0	4
902	TK329DE01	Thiết kế trang phục trẻ em	2	60	0	4	4
903	TK330DE01	TK trang phục lót&tk phụ trang	2	60	0	2	2
904	TK331DE01	Dự án thiết kế thời trang	3	60	52	0	52
905	TK332DE01	Thiết kế thời trang tự chọn	3	60	21	0	21
906	TK402DV05	Phần mềm ứng dụng trong TKTT	3	75	27	1	28
907	TK403DE01	Kỹ thuật SX hàng thời trang	3	45	53	0	53
908	TK406DE01	Quản lý Bán lẻ Thời trang	3	60	2	1	3
909	TK407DE02	QL Chuỗi cung ứng hàng TT	3	60	2	0	2
910	TK409DV01	Đồ án tiền TN TKTT	2	60	10	0	10
911	TK410DV01	Đồ án tiền tốt nghiệp KDTT	2	60	1	0	1
912	TM103DV03	Kỹ thuật may Căn bản	3	60	2	0	2
913	TM104DV01	Tạo mẫu Căn bản	3	75	34	0	34
914	TM202DV04	Kỹ thuật Draping	3	75	55	2	57
915	TM204DV02	Tạo mẫu Căn bản 2	3	75	2	0	2
916	TM205DV01	Kỹ thuật rập 2D	3	75	25	0	25
917	TM308DV02	Tạo mẫu Nâng cao	3	75	49	0	49
918	TM403DV02	Tạo mẫu Trang phục Cao cấp	3	75	49	3	52
919	TM404DV01	Kỹ thuật rập nâng cao	6	90	2	0	2
920	TN102DV03	Tin học Nội thất 1-(NMAutoCAD)	3	60	5	0	5
921	TN103DV03	Kiến trúc - Nội thất nhập môn	3	45	4	0	4
922	TN109DV01	Quản lý dự án nội thất	2	45	0	14	14
923	TN110DV01	Phong thủy ứng dụng nội thất	2	45	0	14	14
924	TN111DE01	Thiết kế bền vững	2	45	3	0	3
925	TN113DV01	Cơ sở thiết kế bản vẽ	2	45	3	0	3

926	TN115DV01	Công cụ số trong thiết kế KTNT	3	90	7	0	7
927	TN117DV01	Kỹ thuật trình bày bản vẽ	3	60	3	0	3
928	TN118DV01	Trang trí cơ sở ngành NT	3	56	2	0	2
929	TN201DV01	Tin học Nội thất 2 (PhotoShop)	2	45	8	0	8
930	TN202DV01	Tin học Nội thất 3 (SketchUp)	3	60	15	0	15
931	TN203DV01	Tin học Nội thất 4 (3D Max)	3	60	13	0	13
932	TN207DE01	Nguyên lý thiết kế Nội thất	3	60	3	0	3
933	TN207DV01	Nguyên lý thiết kế Nội thất	3	60	7	0	7
934	TN208DE02	Cấu tạo Kiến trúc - nội thất	3	60	3	0	3
935	TN208DV02	Cấu tạo Kiến trúc-Nội thất	3	60	8	0	8
936	TN210DE02	Vật liệu và CN xử lý trong NT	3	60	2	0	2
937	TN210DV02	Vật liệu & CN xử lý trong NT	3	60	11	0	11
938	TN214DV01	Tư duy sáng tạo	2	45	6	0	6
939	TN215DV01	Đề án:Thi công công trình KTNT	2	0	3	0	3
940	TN216DV01	Phát triển kinh doanh nội thất	2	45	4	0	4
941	TN217DV01	Đề án:Đi thực tế tìm hiểu KTNT	2	0	10	0	10
942	TN218DV01	Bố cục tạo hình nội thất	3	60	1	0	1
943	TN220DV01	Kinh doanh&QL dự án nội thất	3	60	15	0	15
944	TN221DV01	Phát triển& nghiên cứu ý tưởng	3	60	9	0	9
945	TN302DE02	Trang thiết bị nội thất	3	60	16	0	16
946	TN302DV02	Trang thiết bị Nội thất	3	60	2	0	2
947	TN303DE02	Đồ án TK NT công trình nhà ở	3	60	11	0	11
948	TN303DV02	Đồ án: TKNT Công trình Nhà ở	3	60	3	0	3
949	TN304DE02	Đồ án: TKNT Công trình GD	2	45	0	22	22
950	TN305DV02	Đồ án: TKNT Công trình T/mại	2	45	8	16	24
951	TN307DE02	Đồ án: TKNT Nội thất Văn phòng	2	45	5	0	5
952	TN312DE02	Đồ án: Ánh sáng trongTTNTCT	2	45	0	18	18
953	TN315DV02	ĐA:TTNT Công trình Thương mại	2	45	0	13	13
954	TN316DE01	Đồ án TKNT CT d/vụ - giải trí	2	45	2	0	2
955	TN316DV01	Đồ án TKNT công trình DVG	2	45	18	0	18
956	TN317DV01	Trang trí sự kiện	3	60	3	0	3
957	TN318DV01	ĐA TKNT thương mại tổng hợp	6	60	1	0	1
958	TN319DE01	ĐA TK nội thất văn phòng-GD	3	60	8	0	8
959	TN402DE02	Đồ án: TKCT nghỉ dưỡng DL	3	60	19	0	19
960	TN403DE02	Đồ án: TKNT công trình VH	3	60	16	0	16
961	TN405DE01	Đồ án tiền Tốt nghiệp - KTNT	3	60	9	13	22
962	TN406DV01	Thực tập nghề nghiệp	3	8 tuần	56	0	56
963	TN409DE01	Đồ án tiền tốt nghiệp - TTNT	3	60	0	13	13
964	TO101DV02	Tổng quan DL-KS-NH và Sự kiện	3	45	1	0	1
965	TO102DV01	Kinh tế học trong DL và KS-NH	3	45	15	0	15
966	TO103DV01	Tổng quan DL-KS-NH và sự kiện	6	60	3	0	3
967	TO201DV01	Đề án 1: Khảo sát ý kiến KH	2	0	26	0	26
968	TO202DV01	Lịch sử và Văn hóa Việt Nam	3	45	4	0	4
969	TO205DV03	Thực địa tour Việt Nam	3	45	2	0	2
970	TO206DE01	Thực địa tour quốc tế	3	45	5	0	5
971	TO207DE01	Thực địa 3	3	60	0	6	6
972	TO209DE01	Nghiệp vụ & TH Hướng dẫn DL	3	45	7	0	7
973	TO212DV01	Thực địa	6	90	3	0	3
974	TO213DV01	GT liên văn hoá trong ngành DV	3	45	1	0	1
975	TO214DV01	Địa lý du lịch thế giới	3	45	2	0	2
976	TO250DV01	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	48	0	48
977	TO304DV02	Quản lý dự án DL-NH-KS-SK	3	0	52	0	52
978	TO309DE01	Du lịch Di sản	3	45	0	7	7
979	TO312DE01	Tuyển điểm Du lịch Việt Nam	3	45	0	13	13
980	TO312DV01	Tuyển điểm Du lịch Việt Nam	3	45	2	0	2
981	TO314DE01	Điều hành tour	3	45	12	1	13
982	TO315DE01	Anh văn Du lịch 1	3	45	2	0	2
983	TO316DE01	Quản lý Điểm đến	3	45	0	6	6
984	TO317DE01	Du lịch bền vững	3	45	1	0	1
985	TO317DV01	Du lịch bền vững	3	Seminar	9	5	14
986	TO318DE01	KN bán hàng&đàm phán trong DL	3	45	0	6	6
987	TO319DV01	Đề án Ngành QT DL-NH-KS-SK	3	0	21	0	21
988	TO402DE01	Quản trị Lữ hành	3	45	6	2	8
989	TO403DE01	Xây dựng và PT sản phẩm DL	3	45	2	10	12
990	TO404DE01	Những X/hướng Đ/đại trong DL	3	45	0	6	6
991	TO405DV01	Tài chính trong du lịch	3	45	1	0	1
992	TQ101DV02	Tiếng Trung 1	4	90	0	117	117

993	TQ102DV03	Tiếng Trung 2	4	90	0	106	106	
994	TQ103DV03	Tiếng Trung 3	4	90	0	85	85	
995	TQ201DV05	Tiếng Trung 4	4	90	0	39	39	
996	TT104DV02	Tổng quan về truyền thông	3	45	8	0	8	
997	TT105DV01	Truyền thông và Xã hội	3	45	10	0	10	
998	TT106DV01	Cảm thụ NT nghe nhìn	3	75	5	0	5	
999	TT108DV02	Tiếng Việt trong truyền thông	3	45	6	0	6	
1000	TT109DV01	Truyền thông, văn hóa & xã hội	6	75	6	0	6	
1001	TT204DV02	Luật và đạo đức truyền thông	3	60	65	2	67	
1002	TT205DV02	Quy trình SX sản phẩm TTNN	3	45	30	0	30	
1003	TT206DV02	Nội dung và phương tiện TTNN	3	75	4	7	11	
1004	TT207DV01	Kỹ thuật Audio - Video	3	75	10	0	10	
1005	TT208DV02	Lịch sử Điện ảnh	3	60	0	7	7	
1006	TT212DV01	Quy trình sáng tạo	3	45	0	7	7	
1007	TT214DV02	Kỹ năng viết truyền thông	3	45	6	2	8	
1008	TT216DV01	Văn hóa đại chúng Châu Á	3	45	10	102	112	
1009	TT218DV01	Kỹ năng tạo lập văn bản TT	3	60	17	0	17	
1010	TT219DV01	KN nghiên cứu truyền thông	6	90	13	0	13	
1011	TT250DV02	Thực tập Nhận thức	3	7 tuần	89	0	89	
1012	TT301DV02	Nghiên cứu thị hiếu KTG	3	45	9	0	9	
1013	TT302DV02	Sản xuất Chương trình Giải trí	3	75	2	3	5	
1014	TT304DE02	SX quảng cáo TVC và New Media	3	75	0	74	74	
1015	TT304DV02	SX quảng cáo TVC và New Media	3	75	1	32	33	
1016	TT305DV02	Hệ thống TBKT & SX phát hành	3	60	7	0	7	
1017	TT306DV03	D/án sản xuất SP TT nghe nhìn	3	45	51	0	51	
1018	TT307DV02	Cấu trúc Khung Chương trình	3	45	1	3	4	
1019	TT309DE01	Quản trị Dự án Truyền thông	3	60	75	3	78	
1020	TT309DV01	Quản trị Dự án Truyền thông	3	60	1	4	5	
1021	TT320DE01	Quản trị truyền thông tích hợp	3	45	1	0	1	
1022	TT324DE01	Sáng tạo trong nghệ thuật&TT	3	60	8	0	8	
1023	TT402DE01	Kinh doanh SP Truyền thông	3	60	92	9	101	
1024	TT402DV01	Kinh doanh SP Truyền thông	3	60	0	9	9	
1025	TT403DV03	KH kinh doanh sản phẩm TT NN	3	45	58	0	58	
1026	TT405DV02	Công tác tiền kỳ SX SP TT NN	3	60	0	31	31	
1027	TT408DV01	Kỹ thuật Audio và Video	6	90	11	0	11	
1028	TT409DV01	SX chương trình nhiều camera	3	75	1	32	33	